

BỘ 4 POSTER NỘI QUY LỚP HỌC TRỰC QUAN (VISUAL CLASSROOM RULES)

In màu trên bìa cứng A4 hoặc ép plastic dán ngang tầm mắt học sinh trong lớp · educenter.app

RULE 01 · EDUCENTER



EYES ON TEACHER

MẮT NHÌN CÔ GIÁO

"Look at teacher when she speaks!" — Tập trung ánh mắt về phía bảng và cô.

RULE 02 · EDUCENTER



LISTENING EARS

TAI LẮNG NGHE CHĂM CHÚ

"Listen to teacher and your friends!" — Lắng nghe khi bạn khác đang phát biểu.

RULE 03 · EDUCENTER



GENTLE HANDS

BÀN TAY THÂN THIỆN

"Keep hands to yourself and share toys!" — Không xô đẩy, biết chia sẻ đồ chơi.

RULE 04 · EDUCENTER



ENGLISH VOICES

TỰ TIN NÓI TIẾNG ANH

"Speak English loud and proud!" — Không sợ phát âm sai, luôn hào hứng nói to.

BỘ THẺ TÍN HIỆU CỬ CHỈ PHI NGÔN NGỮ DÀNH CHO GIÁO VIÊN

Sử dụng cử chỉ tay và ánh mắt để điều khiển lớp học êm dịu, không cần phải quát to hay gõ bàn



1. TÍN HIỆU "IM LẶNG"

Cử chỉ: Đặt 1 ngón trỏ lên môi, tay kia giơ hình chữ V.

Ý nghĩa: Cả lớp tự động ngưng nói và mô phỏng theo cô.



2. TÍN HIỆU "DỪNG LẠI"

Cử chỉ: Xòe bàn tay thẳng về phía trước, đếm lùi 5-4-3-2-1.

Ý nghĩa: Kết thúc trò chơi và quay về chỗ ngồi.



3. TÍN HIỆU "LẮNG NGHE"

Cử chỉ: Khum bàn tay quanh vành tai.

Ý nghĩa: Nhắc nhở cả lớp lắng nghe câu trả lời của 1 bạn.



4. TÍN HIỆU "HOAN HÔ"

Cử chỉ: Vẫy nhẹ 2 bàn tay trên cao (Silent Cheer).

Ý nghĩa: Khen ngợi nồng nhiệt mà không tạo tiếng ồn lớn.



5. TÍN HIỆU "GHÉP CẶP"

Cử chỉ: Đan 2 ngón tay trỏ vào nhau.

Ý nghĩa: Bắt đầu hoạt động thảo luận 2 bạn (Pair work).



6. TÍN HIỆU "HẠ NHIỆT"

Cử chỉ: Từ từ hạ 2 lòng bàn tay từ ngực xuống bụng.

Ý nghĩa: Hít thở sâu và ổn định nhịp tim sau trò chơi sôi động.

Giáo viên thông thái dẫn dắt lớp học bằng sự bình tĩnh và tình yêu thương.

Tài liệu lưu hành nội bộ thuộc Học viện Đào tạo Giáo viên EduCenter (<https://educenter.app>).